

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 42/2023/ĐS-ST

Ngày: 17/4/2023

“V/v tranh chấp họ,
hội, biểu, phường”.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà ĐẶNG THỊ THANH HƯƠNG.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông LÊ VĂN THẮNG

2. Bà NGUYỄN THỊ NGỌC

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà TRỊNH THANH VÂN-Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ: Bà BÙI THỊ LAN- Kiểm
sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm
Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 309/2022/TLST-DS ngày
03 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp họ, hội, biểu, phường” theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2023
giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Hoàng C**, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn T**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bà T đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng.

(Bà C có mặt tại phiên tòa; bị đơn bà T có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****/ Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn bà Hoàng C trình bày:***

Vào năm 2019 bà có tham gia chơi 08 dây huê do bà Nguyễn T làm cái huê gồm 4 dây huê 1.000.000đồng, 3 dây huê 2.000.000đồng, 01 dây huê 3.000.000đồng. Cụ thể như sau:

1. Dây huê 1.000.000đồng, gồm 16 phần xổ đầu ngày 5/4/2019 âm lịch, bà tham gia chơi 01 phần, bà đã đóng đến tháng 4/2020, dây này bà đã đóng cho bà T số tiền gốc 10.420.000đồng.

2. Dây huê 1.000.000đồng, bà tham gia 02 phần, gồm 16 phần xổ đầu ngày 15/5/2019 âm lịch, bà đã đóng đến tháng 4/2020 âm lịch, dây này bà đã đóng cho bà T 12 tháng với tổng số tiền gốc đã đóng là 19.200.000đồng.

3. Dây huê 1.000.000đồng, gồm 16 phần, bà tham gia chơi 01 phần, xổ đầu tháng 7/2019 âm lịch (bà T chưa đưa giấy huê này cho bà) bà đã đóng đến tháng 4/2020, dây này bà đã đóng cho bà T số tiền gốc là 8.020.000đồng.

4. Dây huê 1.000.000đồng, gồm 18 phần xổ đầu ngày 10/10/2019 âm lịch, bà tham gia chơi 01 phần, bà đã đóng đến tháng 4/2020, dây này bà đã đóng cho bà T số tiền gốc là 5.600.000đồng.

5. Dây huê 2.000.000đồng, gồm 18 phần xổ đầu ngày 5/20/02/2019 âm lịch, bà tham gia chơi 01 phần, bà đã đóng đến tháng 4/2020, dây này bà đã đóng cho bà T số tiền gốc là 24.000.000đồng.

6. Dây huê 2.000.000đồng, gồm 16 phần xổ đầu ngày 5/3/2019 âm lịch, bà chơi 01 phần, bà đã đóng đến tháng 4/2020, dây này bà đã đóng cho bà T 22.480.000đồng.

7. Dây huê 2.000.000đồng, gồm 16 phần xổ đầu ngày 15/7/2019 âm lịch, bà tham gia chơi 02 phần, bà đã đóng đến tháng 4/2020, dây này bà đã đóng cho bà T 32.060.000đồng.

8. Dây huê 3.000.000đồng, gồm 18 phần xổ đầu ngày 06/8/2019 âm lịch, bà tham gia chơi 02 phần, bà đã đóng đến tháng 4/2020, dây này bà đã đóng cho bà T 42.700.000đồng.

Tổng cộng số tiền gốc bà đã đóng cho bà T là 164.480.000đồng. Trước đây bà yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả cho bà 185.860.000đồng. Nhưng nay bà chỉ yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả cho bà số tiền huê gốc bà đã đóng cho bà T là 156.460.000đồng vì dây huê tháng 7/2019 không có giấy huê do bà T giữ không đưa lại cho bà và do tính toán sai về số tiền gốc bà đã đóng cho bà T.

****/ Bị đơn bà Nguyễn T trình bày:***

Trước đây bà là chủ cầm cái huê, bà C có chơi với bà rất nhiều dây huê, bà không nhớ chính xác là bà C chơi bao nhiêu dây huê. Hiện nay bà chỉ nhớ được các dây huê áp cái vào các ngày như sau: Huê 1.000.000đồng, xổ đầu ngày

05/4/2019 âm lịch, gồm 16 phần, tổng số tiền bà còn nợ bà C trong dây huê này là 10.420.000đồng; Huê 2.000.000đồng, xổ đầu 20/02/2019 âm lịch, gồm 18 phần. Tổng số tiền bà còn nợ lại bà C trong dây huê này là 24.000.000đồng; Huê 2.000.000đồng, xổ đầu 05/3/2019 âm lịch, gồm 16 phần, tổng số tiền bà còn nợ bà C trong dây huê này là 22.480.000đồng; Huê 1.000.000đồng, xổ đầu ngày 10/10/2019 âm lịch, gồm 18 phần, tổng số tiền bà còn nợ bà C trong dây huê này là 5.600.000đồng. Tổng cộng các dây huê trên thì bà còn nợ bà C là 62.500.000đồng. Nay bà chỉ đồng ý trả các khoản nợ huê nêu trên là 62.500.000đồng cho bà C. Ngoài ra nếu trong quá trình Tòa án giải quyết nếu bà C xuất trình được các chứng cứ gốc đúng quy định của pháp luật thì bà đồng ý trả tất cả các khoản nợ huê cho bà C.

Do bị đơn bà T hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Lâm đồng, bà T có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc, các phiên họp và phiên hòa giải. Do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn bà C trình bày trong quá trình chơi huê với bà T thì bà có đứng ra chơi huê giúp cho anh và các cháu của bà là Q, Q1, T, H. Tại phiên tòa hôm nay bà xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, bà không yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả 83.860.000đồng tiền nợ huê đối với các dây huê có ghi tên Q, Q1, T và H cụ thể: Dây huê 2.000.000đồng, gồm 18 phần xổ đầu ngày 20/02/2019 âm lịch, bà tham gia chơi 01 phần (ghi tên Q), bà đã đóng đến tháng 4/2020 cho bà T số tiền gốc là 24.000.000đồng; Dây huê 2.000.000đồng, gồm 16 phần xổ đầu ngày 5/3/2019 âm lịch, bà chơi 01 phần (ghi tên Q1), bà đã đóng đến tháng 4/2020 cho bà T 22.480.000đồng; Dây huê 2.000.000đồng, gồm 16 phần xổ đầu ngày 15/7/2019 âm lịch, 01 phần (ghi tên T), bà đã đóng đến tháng 4/2020 cho bà T 16.030.000đồng; Dây huê 3.000.000đồng, gồm 18 phần xổ đầu ngày 06/8/2019 âm lịch, 01 phần (ghi tên H), bà đã đóng đến tháng 4/2020 cho bà T 21.350.000đồng. Sau khi trừ đi một phần yêu cầu bà xin rút. Nay bà chỉ yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 72.600.000đồng tiền huê bà đã đóng cho bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát huyện Đ về việc giải quyết vụ án: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền huê 83.860.000đồng; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà C số tiền huê là 72.600.000đồng

NHÂN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật:

Bà Hoàng C khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn T có nghĩa vụ trả cho bà 72.600.000đồng tiền huê. Hiện bà T có hộ khẩu thường trú tại xã N, huyện Đ, Lâm Đồng. Theo khoản 3 Điều 26 và các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp về họ, họ, họ, họ”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Đức Trọng.

Bị đơn bà T có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà T.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn xuất trình và căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự, có cơ sở xác định trong thực tế bà T là người cầm cái huê, bà C là người cùng tham gia chơi huê với bà T. Trong quá trình chơi huê bà C đã đóng tiền huê cho bà T, bà C chưa hốt huê, đang trong quá trình chơi huê đến ngày 20/7/2020 bà T vỡ nợ, bỏ trốn, sau đó bị cơ quan Công an bắt tạm giam, hiện nay đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng. Trước đây nguyên đơn bà C khởi kiện yêu cầu bị đơn bà T có nghĩa vụ trả cho bà tổng số tiền huê bà đã đóng là 156.460.000đồng.

Tại phiên toà hôm nay nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn không yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 83.860.000đồng tiền huê. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nếu sau này có yêu cầu Tòa án giải quyết sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ huê là 72.600.000đồng, không yêu cầu trả lãi suất: Căn cứ “Giấy huê 1.000.000đ, gồm 16 phần xổ đầu ngày 5/4/2019 Âm Lịch; Giấy huê 1.000.000đ, gồm 16 phần xổ đầu ngày 15/5/2019 Âm Lịch (số tiền ngày 5/5/2019 Âm lịch là 220000, số 22); Giấy huê 1.000.000đ xổ đầu ngày 10/10/2019 gồm 18 phần; Giấy huê 2.000.000đ gồm 16 phần, xổ đầu ngày 15/7/2019; Giấy huê 3.000.000đ gồm 18 phần, xổ đầu ngày 6/8/2019 Âm Lịch” thể hiện bà C có chơi huê với bà T và tổng số tiền bà C đã đóng cho bà T cụ thể: Dây huê 1.000.000đồng, gồm 16 phần xổ đầu ngày 5/4/2019 âm lịch, bà C chơi 01 phần, bà đã đóng đến tháng 4/2020 cho bà T số tiền gốc 10.420.000đồng; Dây huê 1.000.000đồng, bà C tham gia 02 phần, gồm 16 phần xổ đầu ngày 15/5/2019 âm

lịch, bà đã đóng đến tháng 4/2020 âm lịch cho bà T 12 tháng với tổng số tiền gốc đã đóng là 19.200.000đồng; Dây huê 1.000.000đồng, gồm 18 phần xổ đầu ngày 10/10/2019 âm lịch, bà C tham gia chơi 01 phần, bà C đã đóng đến tháng 4/2020 cho bà T số tiền gốc là 5.600.000đồng; Dây huê 2.000.000đồng, gồm 16 phần xổ đầu ngày 15/7/2019 âm lịch, bà C tham gia chơi 01 phần, bà đã đóng đến tháng 4/2020 cho bà T 16.030.000đồng; Dây huê 3.000.000đồng, gồm 18 phần xổ đầu ngày 06/8/2019 âm lịch, bà C tham gia chơi 01 phần, bà C đã đóng đến tháng 4/2020 cho bà T 21.350.000đồng. Tổng cộng bà C đóng cho bà T 72.600.000đồng tiền huê gốc. Nay bà C yêu cầu bà T có vụ trả cho bà số tiền 72.600.000đồng nợ huê. Bị đơn bà T xác nhận bà có cầm cái huê và bà C có tham gia chơi huê cùng bà nên bà có nợ bà C tiền huê. Quá trình làm việc bà T trình bày do bà cầm cái nhiều dây huê, và qua thời gian cũng lâu rồi nên bà không nhớ cụ thể nên bà xác nhận đồng ý có nghĩa vụ trả cho bà C 62.500.000đồng tiền huê. Bà T có ý kiến nếu trong quá trình Tòa án giải quyết nếu bà C xuất trình được tài liệu chứng cứ gốc đúng quy định thì bà đồng ý trả nợ cho bà C. Qua các tài liệu chứng cứ bà C xuất trình Tòa án thấy rằng số tiền bà C đã đóng huê cho bà T tổng cộng là 72.600.000đồng, đang trong quá trình chơi, bà C chưa hết huê thì bà T bị vỡ nợ. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà C, buộc bị đơn bà T có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền 72.600.000đồng nợ huê là phù hợp có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 3.630.000đồng.

[4] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26 và các Điều 35, 39, 147, 228, 264, 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Căn cứ vào các Điều 357, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015.
- Căn cứ vào Nghị định/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ quy định về họ, họ, biêu, phường.
- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự.
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng C về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn T có nghĩa vụ trả số tiền nợ huê là 83.860.000đồng (Tám mươi ba triệu tám trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn).

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng C về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn T trả nợ tiền huê.

Buộc bị đơn bà Nguyễn T có nghĩa vụ trả cho bà Hoàng C số tiền 72.600.000đồng (Bảy mươi hai triệu sáu trăm ngàn đồng chẵn) tiền nợ huê.

Đối với khoản tiền phải thi hành án nói trên, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn T phải nộp 3.630.000đồng án phí Dân sự sơ thẩm. Bà Hoàng C được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không phải hoàn tiền tạm ứng án phí cho bà C.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án để xin Tòa án tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện, tỉnh;
- THA DS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐẶNG THỊ THANH HƯƠNG